| TOÀ ÁN NHÂN DÂN<br>TỈNH THANH HÓA | CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM<br>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc |
|---|---|

Bản án số: 86/2019/DS-PT
Ngày: 22/11/2019
V/v: Tranh chấp chia di sản thừa kế

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ**

**Với A phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa***: Bà Lê Thị Dung

***Các Thẩm phán***: Bà Nguyễn Thị Chinh

Ông Quách Văn Thành

***Thư ký phiên tòa***: Ông Dương Xuân Tú - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa***: Đỗ Văn Hậu - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 22/11/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 61/2019/DSPT ngày 13 tháng 9 năm 2019 về việc: "Tranh chấp chia di sản thừa kế". Do bản án dân sự sơ thẩm số 01/2019/DS-ST ngày 18 tháng 7 năm 2019 của Toà án nhân dân huyện ĐS, Thanh Hóa bị kháng cáo của nguyên đơn và kháng nghị của VKSND huyện ĐS. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 74/2019/QĐ-PT ngày 04 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Bà Lê Thị H - sinh năm 1952 (có mặt).

Địa chỉ: Thôn YT, xã ĐY, huyện ĐS,Thanh Hóa.

**2. Bị đơn:** Bà Hà Thị N - sinh năm 1959 (có mặt).

Địa chỉ: Thôn YC 2, xã ĐY, huyện ĐS, Thanh Hóa.

**3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

3.1. Bà Lê Thị A - sinh năm: 1944 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn B Cộng, xã Đông B, TP.Thanh Hóa, Thanh Hóa.

3.2. Bà Lê Thị B - sinh năm: 1954 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn YC 2, xã ĐY, huyện ĐS, Thanh Hóa.

3.2. Bà Lê Thị C - sinh năm: 1959 (Có mặt).

Địa chỉ: Thôn YC 2, xã ĐY, huyện ĐS, Thanh Hóa.

3.3. Chị Lê Thị D - sinh năm: 1989 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn YC 2, xã ĐY, huyện ĐS, Thanh Hóa.

3.4. Anh Lê Văn Đ - sinh năm: 1992 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn YC 2, xã ĐY, huyện ĐS, Thanh Hóa.

3.5. Ông Nguyễn Minh E - sinh năm: 1968 (Vắng mặt)

Địa chỉ: SN 39A, Phố LKT, p.LKT, TP. Hải Phòng.

3.6. Chị Nguyễn Thị Thủy G - sinh năm: 1971 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn YC 2, xã ĐY, huyện ĐS, Thanh Hóa.

3.7. Chị Nguyễn Thị F - sinh năm: 1972 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Công ty may mặc Việt Nhật, xã BM, huyện CC, TP Hồ Chí Minh.

* Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị Lê Thị D:

Bà Lê Thị P - Trợ giúp viên pháp lý (Có mặt)

Công tác tại: Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thanh Hóa.

Địa chỉ: Số 32, Đại lộ Lê Lợi, phường Điện Biên, TP Thanh Hóa.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 20 tháng 7 năm 2018, bản tự khai và tại các phiên hòa giải nguyên đơn bà Lê Thị H trình bày:*

Bố mẹ bà là cụ Lê Văn K và cụ Nguyễn Thị M sinh được 07 người con gồm: bà Lê Thị X (đã chết năm 2016) bà X có 3 con là Nguyễn Minh Y, Nguyễn Thị Thủy G và Nguyễn Thị F, bà Lê Thị A, ông Lê Văn V (đã hy sinh khi chưa lập gia đình), bà Lê Thị B, bà Lê Thị C, bà Lê Thị H và ông Lê Văn Đ có vợ là bà Hà Thị N. Vợ chồng ông Đ có hai con là Lê Thị D và Lê Văn Q. Ông Đ đã chết năm 2002. Cụ K và cụ M có tổng diện tích đất là 530m$^2$ đất tại thửa 477, tờ bản đồ số 03 bản đồ địa chính xã ĐY, huyện ĐS, tỉnh Thanh Hóa đã có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND huyện ĐS cấp ngày 27/10/1994. Năm 2002 cụ M mất không để lại di chúc. Năm 2008 cụ K mất không để lại di chúc. Ngày 03/3/2007 cụ Lê Văn K cùng các con trong gia đình họp và thống nhất tặng cho bà H quyền sử dụng đất là 200m$^2$, trong đó đất ở là 100m$^{2,}$ đất vườn là 100m$^2$.Sau khi được cụ K tặng cho 200m$^2$ đất

bà H đã làm đầy đủ các thủ tục kê khai, tách thửa và xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngày 09/5/2008 bà H đã được UBND huyện ĐS cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 200m$^2$ tại thửa 987 tờ bản đồ số 3 bản đồ địa chính xã ĐY, huyện ĐS. Diện tích đất còn lại 311m$^2$ mang tên cụ Lê Văn K tại thửa 988 tờ bản đồ số 1 bản đồ địa chính xã ĐY, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên cụ K.

Sau khi cụ K chết, toàn bộ diện tích đất và nhà do bà Hà Thị N (là vợ ông Đ) quản lý, sử dụng. Do bà N xây C phần đất của bà H được chia nên bà H đã khởi kiện yêu cầu bà N trả lại đất. Vào ngày 29/11/2017 Tòa án nhân dân huyện ĐS đã xử hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 943836 do UBND huyện ĐS cấp cho bà H ngày 09/5/2008. Không chấp nhận đơn khởi kiện của bà H về việc buộc bà N trả lại cho bà H 32,4m$^2$ đất. Ngày 10/5/2018 UBND huyện ĐS đã ban hành quyết định số 1091/QĐUBND: Thu hồi 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho cụ K và bà H. Công nhận và giữ nguyên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số E 0310830 do UBND huyện ĐS cấp cho cụ Lê Văn K ngày 27/10/1994.

Nay bà H đề nghị Tòa án chia di sản thừa kế của bố mẹ gồm nhà cấp 4 xây dựng từ năm 1986 không còn giá trị sử dụng trên thửa đất rộng 530m$^2$ tại thửa 477 tờ bản đồ số 3 bản đồ địa chính xã ĐY tại địa chỉ thôn Yên Cầm 2, xã ĐY, huyện ĐS, tỉnh Thanh Hóa. Trong đó chia cho bà H 200m$^2$ đất phần đất cụ K đã cho năm 2007 theo hồ sơ tặng cho ngày 08/5/2007, phần còn lại chia đều cho các đồng thừa kế. Tạm tính phần của bà H được hưởng là 250m$^2$ trị giá khoảng 62.500.000đ.

** Theo bản tự khai và tại các phiên hòa giải, quan điểm của bà Hà Thị N trình bày:*

Chồng bà là ông Lê Văn Đ (chết năm 2002 ) là con trai của cụ K và cụ M. Bà là con dâu duy nhất của cụ K và cụ M. Từ khi cưới cho đến khi chồng bà chết đến nay bà vẫn ở trên đất của cụ K và cụ M. Tuy phải dạy học xa nhà nhưng tất cả công việc trong gia đình như chăm sóc bố mẹ chồng khi ốm đau, ma chay, giỗ tết bà và các chị chồng đều gánh vác trọng trách. Năm 2002 cụ M chết không để lại di chúc, đến năm 2008 cụ K chết có lập di chúc trong đó có cho cháu Q 4 gian nhà và

số diện tích đất còn lại. Toàn bộ diện tích đất và nhà của cụ K và cụ M hiện nay bà đều Đg quản lý sử dụng.

Tháng 6 năm 2014 bà N có xây nhà và công trình phụ trên đất của cụ K, cụ M. Mục đích để thờ cúng bố mẹ, anh trai chồng là liệt sĩ Lê Văn V và chồng. Tổng chi phí khoảng hơn 500.000.000đ. Bà N cho rằng việc bà xây nhà và công trình phụ là xây trên đất nguyên thổ của cụ K, cụ M, bà không biết gì về việc cụ K cho bà H đất và diện tích đất của bà H cụ thể là bao nhiêu, ranh giới thế nào bà cũng không biết. Tại sao cụ K và cụ M có 05 người con còn sống nhưng chỉ có mình bà H được cụ K cho đất. Việc cụ K cho bà H đất bà là con dâu nhưng không hề biết gì. Bà N không nhất trí yêu cầu đòi chia 200m$^2$ của bà H vì giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho bà H đã bị hủy và bị thu hồi. Nếu bà H còn cố tình đòi thì đề nghị Tòa án xem xét hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng 200m$^2$ ngày 08/5/2007 giữa bà H và cụ K. Còn yêu cầu chia di sản thừa kế đối với tài sản của cụ K và cụ M để lại của bà H thì bà N cũng không nhất trí vì cụ K đã có di chúc tặng cho toàn bộ tài sản trên cho cháu Q.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bà N xin rút yêu cầu chia di sản thừa kế theo di chúc. Đề nghị Tòa án chia theo pháp luật nhưng để nguyên đất và nhà thờ để làm nơi thờ cúng. Không yêu cầu trích đền bù công sức duy trì bảo quản khối tài sản, không yêu cầu xem xét phần tài sản bà N đã xây dựng trên thửa đất Đg tranh chấp.

** Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Các bà Lê Thị Thành, Lê Thị B, Lê Thị C, anh Nguyễn Minh Y, chị Nguyễn Thị Thủy G, chị Nguyễn Thị F, anh Lê Văn Q và chị Lê Thị D đều khai thống nhất: Cụ Lê Văn K và cụ Nguyễn Thị M có 7 người con trong đó có ông V hy sinh khi chưa có gia đình, bà X chết có các con là anh Y, chị G, chị F, ông Đ chết có các con là chị D và anh Q. Cụ M mất năm 2002 không để lại di chúc, cụ K mất năm 2008 không để lại di chúc. Tài sản của cụ K và cụ M là quyền sử dụng diện tích đất đất 530m$^2$ và 01 ngôi nhà cấp 4 (đã được bà N sửa C tu bổ lại) tại thôn Yên Cầm 2, xã ĐY, huyện ĐS, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi cụ K mất, toàn bộ tài sản trên do bà N (vợ ông Đ) và chị D, anh Q quản lý sử dụng. Nay bà H yêu cầu được chia

200m$^2$ theo hợp đồng tặng cho giữa cụ K và bà H ngày 08/5/2007 thì tất cả đều không nhất trí. Nếu chia di sản thừa kế theo pháp luật thì bà A, bà B, bà C, anh Đ, chị D đều đề nghị được chia để đảm bảo quyền lợi, các đương sự đều thống nhất không yêu cầu phân định rạch ròi kỷ phần của từng người mà tuyệt đối phải giữ nguyên đất và nhà thờ. Phần của bà H được chia đề nghị tính trị giá bằng tiền vì bà H đã có nơi ăn chốn ở ổn định, hơn nữa diện tích đất bà H được chia không đủ điều kiện để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng. Mục đích của các đương sự đều nhất trí giữ nguyên để bảo tồn di sản, đề nghị Tòa án tôn trọng tâm nguyện của các đương sự.

* Tại phiên tòa sơ thẩm bà Lê Thị H đề nghị Tòa án chia cho bà H 200m$^2$ đất phần đất cụ K đã cho năm 2007 theo hồ sơ tặng cho ngày 08/5/2007, phần còn lại chia đều cho các đồng thừa kế.

Bà N, bà Thành, bà B, bà C, anh Q, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị D đều thống nhất chia di sản thừa kế theo pháp luật và không chấp nhận yêu cầu chia 200m$^2$của bà H.

Tất cả các đương sự đều thống nhất không yêu cầu xem xét phần chi phí đám ma, giỗ, Tết, xây dựng, sửa C phần mộ của cụ K và cụ M. Nhất trí với kết quả định giá ngày 03/10/2018 xác định thửa đất số 482 có giá trị 250.000đ/m2, tính A tiền là 132.500.000đ (một trăm ba mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng).

Liên quan đến diện tích đất 530m$^2$ tại thửa 477, tờ bản đồ số 03 bản đồ địa chính xã ĐY, huyện ĐS của cụ K và cụ M trước đó đã xảy ra tranh chấp giữa bà H và bà N và đã được các cấp Tòa án xét xử như sau:

** Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2015/DSST ngày 21/9/2015, Tòa án nhân dân huyện ĐS quyết định:*

- Buộc bà Hà Thị N phải thanh toán lại cho bà Lê Thị H số tiền 8.100.000đ tương đương với 32,4m$^2$ đất đã lấn chiếm.

- Bác toàn bộ yêu cầu phản tố của bà Hà Thị N cho rằng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Cơ quan nhà nước cấp cho bà Lê Thị H không đúng trình tự, thủ tục.

Bà Hà Thị N kháng cáo bản án sơ thẩm.

** Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 08/2016/DSST ngày 22/01/2016, Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa quyết định:* Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2015/DSST ngày 21/9/2015 về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất" của Tòa án nhân dân huyện ĐS, tỉnh Thanh Hóa. Giao cho TAND huyện ĐS giaiả quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

** Tại bản án số 03/2017/DS-ST ngày 29/11/2017, Tòa án nhân dân huyện ĐS quyết định:*

- Đình chỉ xét xử đối với phần rút yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị H đối với bà Hà Thị N là 38,24m$^2$ đất.

- Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB943836, diện tích 200m$^2$ (trong đó đất ở 100m$^2$, đất cây lâu năm 100m$^2$) tại thửa số 987, tờ bản đồ số 03 bản đồ địa chính xã ĐY mang tên bà Lê Thị H do UBND huyện ĐS, tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 09/5/2008.

- Không chấp nhận đơn khởi kiện của bà Lê Thị H về việc buộc bà Hà Thị N trả lại cho bà H diện tích 32,4m$^2$.

Hiện nay bản án số 03/2017/DS-ST ngày 29/11/2017, Tòa án nhân dân huyện ĐS Đg có hiệu lực pháp luật.

**Tại bản án Dân sự sơ thẩm số 01/2019/DS-ST ngày 18 tháng 7 năm 2019 của Toà án nhân dân huyện ĐS, Thanh Hóa đã quyết định:**

**Căn cứ vào:** khoản 5 Điều 26; Điều 39; các khoản 1 , 5 Điều 147; điểm g khoản 1 Điều 217; khoản 1 Điều 227; Điều 228; khoản 2 Điều 244; các Điều 271;, 273; 278 của BLTTDS năm 2015; Các Điều 124; 137; khoản 2 Điều 689; khoản 4 Điều 723 BLDS năm 2005; Các Điều 129; 131; 620; 623; 649; 650; 651; 652 Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12; điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 9 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

**Xử:** Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Đình chỉ xét xử đối với việc rút yêu cầu chia di sản thừa kế theo di chúc của bà Hà Thị N.

2. Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất số 62/07 TAngày 08/5/2007 giữa cụ Lê Văn K với bà Lê Thị H là vô hiệu. Không chấp nhận yêu cầu về việc chia 200m$^2$ đất của bà Lê Thị H.

3. Chấp nhận yêu cầu chia di sản thừa kế theo pháp luật của nguyên đơn và tất cả các thừa kế.

- Xác nhận di sản của cụ Lê Văn K và cụ Nguyễn Thị M để lại là thửa đất số 482 tờ bản đồ số 1diện tích theo GCNQSD là 530m$^2$, đo thực tế là 624m$^2$ trên thửa đất có nhà lợp ngói 4 gian tại thôn Yên Cẩm 2, xã ĐY, huyện ĐS, tỉnh Thanh Hóa. Thửa đất 482 trị giá 132.500.000đ (một trăm ba mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng).

- Xác nhận các thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất có: Bà Lê Thị Thành, bà Lê Thị B, bà Lê Thị C, bà Lê Thị H và thừa kế thế vị là của bà Lê Thị X là anh Nguyễn Minh Y, chị Nguyễn Thị Thủy G, chị Nguyễn Thị F, các thừa kế thế vị của ông Lê Văn Đ có anh Lê Văn Q và chị Lê Thị D.

- Xác nhận các thừa kế thế vị của bà Lê Thị X là anh Nguyễn Minh Y, chị Nguyễn Thị Thủy G, chị Nguyễn Thị F từ chối nhận di sản.

- Ghi nhận sự tự nguyện của bà Hà Thị N về việc không yêu cầu trích công sức quản lý di sản, không yêu cầu giải quyết phần tài sản đã xây dựng trên đất.

- Ghi nhận sự tự nguyện của các đồng thừa kế gồm bà Lê Thị Thành, bà Lê Thị B, bà Lê Thị C, anh Lê Văn Q và chị Lê Thị D về việc không chia di sản cho từng thừa kế mà giữ nguyên hiện trạng để làm nhà thờ và nơi sinh H của các thừa kế trong các ngày giỗ, tết.

- Chia di sản thừa kế cho 05 thừa kế 530m$^2$ theo giá trị quyền sử dụng đất là 132.500.000đ, mỗi thừa kế được 106m$^2$ đất trị giá là 26.500.000đ (hai mươi sáu triệu năm trăm nghìn đồng). Bà Lê Thị H được chia 26.500.000đ (hai mươi sáu triệu năm trăm nghìn đồng).

- Các thừa kế Lê Thị A, Lê Thị B, Lê Thị C, anh Lê Văn Đ, chị Lê Thị D được sử dụng phần đất của bà H nên các bà Lê Thị Thành, bà Lê Thị B, bà Lê Thị C mỗi người phải thanh toán cho bà H số tiền là 6.625.000đ (sáu triệu sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng). Anh Lê Văn Q và chị Lê Thị D cùng phải thanh toán cho

bà Lê Thị H là 6.625.000đ, mỗi người là 3.312.500đ (Ba triệu ba trăm hai mười hai nghìn năm trăm đồng).

- Bà Lê Thị Thành, bà Lê Thị B, bà Lê Thị C mỗi người được sử dụng 106m$^2$ đất. Anh Lê Văn Q và chị Lê Thị D cùng được sử dụng 106m$^2$ đất. B àLê Thị Thành, bà Lê Thị B, bà Lê Thị C, anh Lê Văn Q và chị Lê Thị D cùng được sử dụng 106m$^2$ phần đất của bà Lê Thị H tại thửa đất số 482 tờ bản đồ số 1. Còn lại 94,5m$^2$ đất tại thửa đất số 482, tờ bản đồ số 1 tại thôn Yên Cẩm 2, xã ĐY, huyện ĐS, Thanh Hóa giao quyền quản lý cho các bà Lê Thị Thành, bà Lê Thị B, bà Lê Thị C, anh Lê Văn Q và chị Lê Thị D để sử dụng G cho các thừa kế.

Các bà Lê Thị Thành, Lê Thị B, Lê Thị C, anh Lê Văn Q và chị Lê Thị D có trách nhiệm liên hệ với các cơ quan chức N làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

** Ngày 27/7/2019, nguyên đơn bà Lê Thị H kháng cáo với các nội dung:*

- Đề nghị xem xét lại hồ sơ cho tặng của cụ K cho bà H là hợp pháp;

- Đề nghị được chia kỷ phần thừa kế bằng đất.

** Tại QĐKN số 01/QĐKNPT – VKS – ĐS ngày 31/7/2019,VKSND huyện ĐS kháng nghị bản án DSST số 01/2019/DS-ST ngày 18 tháng 7 năm 2019 của Toà án nhân dân huyện ĐS, Thanh Hóa:* Đề nghị TAND tỉnh Thanh Hóa xét xử phúc thẩm, sửa bản án sơ thẩm theo hướng:

- Đình chỉ xét xử đối với việc rút yêu cầu chia di sản thừa kế theo di chúc của bà N.

- Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu của bà Lê Thị H về nội dung đòi 200m2 đất;

- Căn cứ diện tích đất thực tế 624m$^2$ để chia đều cho 5 thừa kế, bà Lê Thị H được chia theo giá trị phần di sản bằng tiền là 31.200.000đ (124,8m$^2$ x 250.000đ/m$^2$). Buộc bà A, bà B, bà C, anh Đ, chị D phải thanh toán tiền tài sản cho bà H với số tiền trên.

* ***Tại phiên tòa phúc thẩm***:

- Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, không rút đơn kháng cáo, bổ sung thêm nội dung đề nghị hủy án sơ thẩm do án sơ thẩm có nhiều sai sót.

- Đại diện VKDSND tỉnh Thanh Hóa rút 02 nội dung kháng nghị về đề nghị đình chỉ xét xử đối với việc rút yêu cầu chia di sản thừa kế theo chúc của bà N và đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu của bà Lê Thị H về nội dung đòi 200m2 đất; Giữ nguyên nội dung kháng nghịvề việc yêu cầu chia thừa kế theo hiện trạng đất.

Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

- Ý kiến của Trợ giúp viên bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho chị D:

+ Nguyên đơn kháng cáo đòi chia kỉ phần thừa kế của mình bằng đất. Tuy nhiên, các đồng thừa kế khác đều thống nhất không chia di sản thừa kế của ông K bà M mà giữ nguyên hiện trạng để làm nơi thờ cúng và giao cho mẹ con bà N quản lý, trông coi, sử dụng; Hiện nay mảnh đất là di sản cụ K và cụ M phần lớn đã được xây dựng làm nhà thờ tổ tiên và hai liệt sĩ, phần đất còn lại phía trước và phía sau không vuông vắn nên việc chia kỉ phần thừa kế bằng đất cho bà H là không thể thực hiện được; Bà H cũng có nơi ăn chốn ở ổn định, nên việc chia di sản bằng đất cho bà H là không cần thiết.

+ Đối với kháng nghị: Bản án Sơ thẩm năm 2017, đã hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 200m$^2$ mang tên bà H theo yêu cầu phản tố phía bị đơn là bà N do quy trình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà H không đúng thủ tục, việc cấp giấy sai so với hiện trạng sử dụng đất. Nhưng bản án chưa xét về giá trị pháp lý của hợp đồng tặng cho của ông K cho bà H, hợp đồng này vi phạm cả về nội dung lẫn hình thức theo quy định của pháp luật; Bị đơn cũng có yêu cầu xem xét tính pháp lý của hợp đồng tặng cho ngày 08/5/2007.

Về kháng nghị chia di sản thừa kế là 624m$^2$ là vượt quá yêu cầu của nguyên đơn. Nguyên đơn khởi kiện chỉ yêu cầu chia di sản thừa kế của bố mẹ là đất có diện tích 530m$^2$. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tên ông Lê Văn K cũng chỉ ghi nhận diện tích đất là 530m$^2$.

Trợ giúp viên pháp lý đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của nguyên đơn, kháng nghị của Viện kiểm sát, giữ nguyên bản án sơ thẩm đã tuyên.

*** Ý kiến của đại diện VKSND tỉnh Thanh Hóa**:

- Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án tại giai đoạn phúc thẩm thì Thẩm phán, HĐXX, những người tham gia tố tụng đã tuân theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 BLTTDS không chấp nhận kháng cáo của bà H về chia di sản là đất; Chấp nhận một phần kháng nghị số 01 ngày 31/7/2019 của VKSND huyện ĐS, sửa bản án sơ thẩm theo hướng: Chia thừa kế đối với diện tích 624m2 đất cho 5 thừa kế; Sửa án phí sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên toà. Sau khi nghe lời trình bày, tranh luận của trợ giúp viên, đương sự và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

***[1] Về tố tụng:*** Sau khi xét xử sơ thẩm bà Lê Thị H là nguyên đơn kháng cáo án sơ thẩm, đơn kháng cáo làm trong thời hạn và nộp tạm ứng án phí theo quy định của pháp luật, nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà H bổ sung nội dung kháng cáo đề nghị hủy án sơ thẩm do án sơ thẩm có nhiều sai sót. Tuy nhiên, nội dung kháng cáo này đã hết thời hạn kháng cáo và vượt quá phạm vi kháng cáo ban đầu, nên căn cứ Khoản 2 Điều 284 BLTTDS không chấp nhận.

Xét đơn đề nghị của bà Lê Thị B xin nhận thừa kế bằng đất, không chấp nhận sử dụng đất của bà H và không có điều kiện để thanh toán tài sản cho bà H. Tuy nhiên, sau khi xét xử sơ thẩm bà B không có đơn kháng cáo, nên nội dung đề nghị này của bà không được cấp phúc thẩm xem xét giải quyết.

Một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được tống Đ quyết định xét xử 02 lần, bà A, anh Đ, chị D có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bà B, anh E, chị G, chị F vắng mặt, những người này đã được tòa án tống Đ hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, việc vắng mặt không làm cản trở việc giải quyết vụ án, nên căn cứ Khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX xét xử vắng mặt là phù hợp.

***[2] Xét kháng cáo của bà H thấy rằng:***

*-Về đề nghị xem xét lại hồ sơ cho tặng của cụ K cho bà H là hợp pháp:*

Xét hợp đồng tặng cho giữa cụ Lê Văn K và bà Lê Thị H số 62/07 TA ngày 08/5/2007 tặng cho bà H 200m$^2$. Bên tặng cho có tên cụ K và cụ M (đã chết). Việc tặng cho là ý chí định đoạt của cụ K nên việc ghi tên cả cụ M là không đúng. Khi tặng cho bà H 200m$^2$ cụ K chưa có sự phân định phần tài sản riêng của cụ K, phần tài sản riêng của cụ M trong khối tài sản G của vợ chồng theo quy định tại Điều 15 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1959, không có ý kiến của các thành viên trong gia đình. Do quy trình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà H không đúng thủ tục, việc cấp giấy sai so với hiện trạng sử dụng đất, nên Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất 200m$^2$ giữa cụ K và bà H không có giá trị pháp lý do vi phạm khoản 4 Điều 723 BLDS năm 2005 về nội dung. Hợp đồng tặng cho không được công chứng hay chứng thực, không tuân thủ theo quy định của pháp luật, vi phạm khoản 2 Điều 689 BLDS năm 2005 về hình thức. Do vậy, Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 08/5/2007 giữa cụ Lê Văn K và bà Lê Thị H là vô hiệu. Do có sự tranh chấp về quyền sử dụng đất nên bà Hà Thị N đã yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho bà H đã được giải quyết tại bản án số 03/2017/DS-ST ngày 29/11/2017 của Tòa án nhân dân huyện ĐS do cấp sai trình tự, thủ tục. Ngày 10/5/2018 UBND huyện ĐS đã ban hành quyết định số 1091/QĐ-UBND thu hồi và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 943836 mang tên bà Lê Thị H. Công nhận và giữ nguyên trích lục quyền sử dụng đất số E 0310830 cấp ngày 27/10/1994, diện tích đất 530m$^2$ (đất ở 200m$^2$, đất vườn 330m$^2$), đại diện chủ sử dụng đất ông Lê Văn K. Dodó, không chấp nhận nội dung kháng cáo này của bà H.

- *Về yêu cầu chia di sản bằng đất:* Di sản của cụ K và cụ M để lại là 624m2 đất. Thửa đất có chiều rộng mặt đường là 10m37, được chia cho 5 thừa kế, mỗi thừa kế được 2m074. Các thừa kế gồm bà A, bà B, bà C, anh Đ, chị D thống nhất không chia di sản là đất cho các thừa kế mà giữ nguyên hiện trạng đất để làm nhà thờ và làm nơi sinh H G. Căn cứ khoản 2 Điều 143 Luật đất đai năm 2013; Điểm a khoản 2 Điều 4 Quyết định số 4463 ngày 12/12/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa, quy định kích thước cạnh tối thiểu phải từ 4m trở lên. Như vậy với kích thước cạnh được chia của mỗi thừa kế là 2m074 không đủ điều kiện để tách thửa theo quy định. Bản án sơ thẩm xác định giá trị của diện tích đất được chia để chia cho bà H giá trị bằng tiền

là có căn cứ phù hợp quy định pháp luật. Kháng cáo của bà H yêu cầu chia di sản là đất là không có cơ sở chấp nhận.

***[2] Xét kháng nghị của VKSND huyện ĐS:***

*- Về nội dung kháng nghị đình chỉ xét xử đối với việc rút yêu cầu chia di sản thừa kế theo chúc của bà N và nội dung kháng nghị đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu của bà H về đòi 200m2 đất:*

Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện VKS tỉnh Thanh Hóa rút các nội dung kháng nghị này, nên căn cứ Khoản 3 Điều 289 BLTTDS đình chỉ giải quyết nội dung rút kháng nghị là phù hợp.

*-Về nội dung kháng nghị yêu cầu chia di sản diện tích 624m$^2$ đất (theo diện tích đo hiện trạng) thấy rằng:*

Di sản của cụ K và cụ M để lại là thửa đất số 447, tờ bản đồ số 3, diện tích 530m2; trên thửa đất có một ngôi nhà cấp 4 lợp ngói 4 gian. Tại biên bản hòa giải ngày 02/11/2018 các thừa kế đều đề nghị chia di sản thừa kế của cụ K, cụ M để lại theo pháp luật.

Căn cứ văn bản số 284/UBND-TNMT ngày 01/3/2019 của UBND huyện ĐS thì diện tích đo đạc thực tế ngày 03/10/2018 thửa đất 447 tờ bản đồ số 3 bản đồ địa chính xã ĐY có diện tích 624m2 (tăng 94m2). Xác định nguyên nhân đất của cụ K tăng là do trong quá trình sử dụng đất các hộ liền kề có sự biến động và chủ yếu do sai số trong quá trình xác định mốc giới khi đo đạc hồ sơ địa chính; UBND huyện đề nghị căn cứ diện tích đo đạc ngày 03/10/2018 diện tích 624m2 đã được trích đo hồ sơ địa chính, hiện trạng sử dụng đất của cụ K đã được các hộ liền kề ký giáp gianh và được UBND xã ĐY; văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện ĐS xác nhận để làm căn cứ giải quyết. Như vậy diện tích đất thừa kế của cụ K, cụ M là đất thổ cư đã được hình A và sd ổn định trước năm 1980, nên căn cứ điều 103 Luật đất đai 2013 và điều 24 NĐ 43/2014 ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định thi hành luật đất đai 2013 để xác định chia thừa kế là **624m2** nên được chia đều cho 5 thừa kế, mỗi thừa kế được hưởng 124,8m2 tương ứng số tiền 31.200.000đ. Kháng nghị của VKS ĐS chia di sản là diện tích 624m2 đất cho các thừa kế là có căn cứ chấp nhận.

Do xác định lại phần trị giá tài sản được chia  cho các thừa kế nên cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm về án phí sơ thẩm. Án sơ thẩm buộc bà C và anh Đ chịu án phí chênh lệch tài sản cho bà H mà không buộc án phí DSST có giá ngạch tương ứng với phần tài sản thừa kế được chia là không phù hợp. Do đó, cần sửa án sơ thẩm theo hướng buộc bà C và anh Đ chịu án phí phần tài sản thừa kế được chia, mà không buộc án phí chênh lệch tài sản cho bà H.

***[3] Về án phí:*** Mặc dù kháng cáo không được chấp nhận nhưng căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH 14 bà H được miễn tiền án phí DSPT.

Vì các lẽ trên

## QUYẾT ĐỊNH

**1. Căn cứ**: Khoản 2 Điều 227 ; Khoản 2 Điều 284; Khoản 3 Điều 289; Khoản 1, 2 Điều 308; Điều 309; BLTTDS; Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH 14 về án phí, lệ phí Tòa án.

**Xử:**

1. Đình chỉ giải quyết nội dung kháng nghị đối với việc rút yêu cầu chia di sản thừa kế theo chúc của bà N và nội dung kháng nghị đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu đòi 200m2 đất của bà H.

2. Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn; Chấp nhận một phần kháng nghị của VKSND huyện ĐS. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 01/2019/DS-ST ngày 18 tháng 7 năm 2019 của Toà án nhân dân huyện ĐS, Thanh Hóa về xác định diện tích đất là di sản thừa kế và án phí DSST như sau:

- Xác định di sản của cụ Lê Văn K và cụ Nguyễn Thị M để lại là thửa đất số 482 tờ bản đồ số 1diện tích theo GCNQSD là 530m$^2$, đo thực tế  là 624m$^2$ trên thửa đất có nhà lợp ngói 4 gian tại thôn Yên Cầm 2, xã ĐY, huyện ĐS, tỉnh Thanh Hóa. Thửa đất 482, diện tích thực tế là 624m$^2$ trị giá 156.000.000đ (Một trăm năm mươi sáu triệu đồng).

- Xác định các thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất có: Bà Lê Thị Thành, bà Lê Thị B, bà Lê Thị C, bà Lê Thị H và thừa kế thế vị là của bà Lê Thị X là anh Nguyễn

Minh Y, chị Nguyễn Thị Thủy G, chị Nguyễn Thị F, các thừa kế thế vị của ông Lê Văn Đ có anh Lê Văn Q và chị Lê Thị D.

- Xác định các thừa kế thế vị của bà Lê Thị X là anh Nguyễn Minh Y, chị Nguyễn Thị Thủy G, chị Nguyễn Thị F từ chối nhận di sản.

- Ghi nhận sự tự nguyện của bà Hà Thị N về việc không yêu cầu trích công sức quản lý di sản, không yêu cầu giải quyết phần tài sản đã xây dựng trên đất.

- Ghi nhận sự tự nguyện của các đồng thừa kế gồm bà Lê Thị Thành, bà Lê Thị B, bà Lê Thị C, anh Lê Văn Q và chị Lê Thị D về việc không chia di sản cho từng thừa kế mà giữ nguyên hiện trạng để làm nhà thờ và nơi sinh H của các thừa kế trong các ngày giỗ, Tết.

- Chia di sản thừa kế cho 05 thừa kế 624m$^2$ theo giá trị quyền sử dụng đất là 156.000.000đ (một trăm năm mươi sáu triệu đồng), mỗi thừa kế được 124,8m$^2$đất trị giá là 31.200.000đ (Ba mươi mốt triệu hai trăm nghìn đồng). Bà Lê Thị H được chia 31.200.000đ (Ba mươi mốt triệu hai trăm nghìn đồng).

- Các thừa kế Lê Thị A, Lê Thị B, Lê Thị C, anh Lê Văn Đ, chị Lê Thị D được sử dụng phần đất của bà H nên các bà Lê Thị Thành, bà Lê Thị B, bà Lê Thị C mỗi người phải thanh toán cho bà H số tiền là 7.800.000đ (Bảy triệu tám trăm nghìn đồng). Anh Lê Văn Q và chị Lê Thị D cùng phải thanh toán cho bà Lê Thị H là 7.800.000đ, mỗi người là 3.900.000đ (Ba triệu chín trăm nghìn đồng).

- Bà Lê Thị Thành, bà Lê Thị B, bà Lê Thị C mỗi người được sử dụng 124,8m$^2$ đất. Anh Lê Văn Q và chị Lê Thị D cùng được sử dụng 124,8m$^2$ đất. Bà Lê Thị Thành, bà Lê Thị B, bà Lê Thị C, anh Lê Văn Q và chị Lê Thị D cùng được sử dụng 124,8m$^2$phần đất của bà Lê Thị H tại thửa đất số 482 tờ bản đồ số 1.

Các bà Lê Thị Thành, Lê Thị B, Lê Thị C, anh Lê Văn Q và chị Lê Thị D có trách nhiệm liên hệ với các cơ quan chức N làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

**2. Về án phí:** Miễn tiền án phí DSPT cho bà Lê Thị H. Án phí DSST có giá ngạch bà Lê Thị C phải nộp 1.560.000đ (Một triệu năm trăm sáu mươi nghìn đồng), anh Lê Văn Q phải nộp 780.000đ (Bảy trăm tám mươi nghìn đồng).

**3.** Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà**

***Nơi nhận:***
- TAND cấp cao tại Hà Nội
- VKSND tỉnh Thanh Hoá
- TAND huyện ĐS
- Chi cục THA dân sự huyện ĐS
- Các đương sự;
-Lưu hồ sơ.

**Lê Thị Dung**